TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 6 - 2022
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

2. Bà Lê Thị Thanh Loan

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2022/TL.ST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. – Vắng mặt

2. Bị đơn: Nguyễn Văn B, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tháng 3 năm 2020. Quá trình chung sống rất hạnh phúc đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, mâu thuẫn thường xuyên, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên đã ly thân từ tháng 6 năm

2020 đến nay. Nay, chị xác định không còn tình cảm nên làm đơn xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án anh Nguyễn Văn B vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Về hôn nhân chị Hg và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân hợp pháp, quá trình chúng sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, cả hai đã ly thân từ tháng 6 năm 2020, chị H yêu cầu ly hôn với anh B, anh B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến về việc ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hg khai không có, anh B chưa ghi nhận được ý kiến nên không chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Cẩm H và anh Nguyễn Văn B do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh B, anh B vẫn còn đăng ký thường trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay xin vắng mặt. Bị đơn đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228,

Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh B được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống chị H cho rằng vợ chồng bất đồng ý kiến nên thường xuyên cự cãi và đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Từ khi ly thân đến nay chị H và anh B không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng, khi chị H nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành mời các bên hòa giải để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng phía anh B vắng mặt nhiều lần không có lý do. Vì vậy, nhận thấy hôn nhân của anh và chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3.2] Về con chung: Không có.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có, anh B chưa ghi nhận được ý kiến nên chưa xem xét giải quyết 02 vấn đề này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[3.4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu 300.000đồng.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn

đồng) tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Cẩm H đã nộp theo biên lai số 0011796 ngày 24/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị H đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
-UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Mỹ Á